



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Ban kiểm soát

Ông Vũ Tuấn Việt	Trưởng ban
Bà Đinh Thị Lụa	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Cương	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Thanh Hà - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Số: 031201/2026/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sư kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sư kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		162.414.495.909	124.494.162.300
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.548.525.786	21.408.112.785
1. Tiền	111	V.1	26.548.525.786	21.408.112.785
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		76.703.594.521	42.514.909.589
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	76.703.594.521	42.514.909.589
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.917.749.235	15.738.219.519
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	10.416.365.162	13.336.206.179
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.197.580.352	1.618.423.160
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.303.803.721	783.590.180
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	42.238.959.703	44.813.965.846
1. Hàng tồn kho	141		42.547.393.409	45.070.723.153
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(308.433.706)	(256.757.307)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.666.664	18.954.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	5.666.664	18.954.561
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.199.829.467	50.726.095.668
I. Tài sản cố định	220		17.171.651.558	17.406.358.270
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17.171.651.558	17.406.358.270
- Nguyên giá	222		129.417.550.743	124.444.953.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(112.245.899.185)	(107.038.595.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		85.090.910	85.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	2.000.000.000	13.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.028.177.909	20.319.737.398
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	21.028.177.909	20.319.737.398
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		202.614.325.376	175.220.257.968

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.310.178.718	19.504.325.473
I. Nợ ngắn hạn	310		23.310.178.718	19.204.325.473
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.716.313.603	2.938.389.950
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		22.918.041	626.712.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	8.464.508.860	5.722.996.397
4. Phải trả người lao động	314		7.008.626.578	5.293.813.910
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11a	873.149.939	954.401.922
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.224.661.697	3.668.010.313
II. Nợ dài hạn	330		-	300.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.11b	-	300.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		179.304.146.658	155.715.932.495
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	179.304.146.658	155.715.932.495
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.691.250.000	111.691.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.691.250.000	111.691.250.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.070.076.292	10.518.474.292
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.542.820.366	33.506.208.203
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.994.512.703	5.926.128.207
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		42.548.307.663	27.580.079.996
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		202.614.325.376	175.220.257.968



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



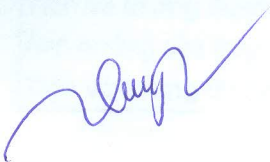

Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.063.686.272	142.022.095.826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	40.154.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	181.063.686.272	141.981.941.426
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.931.647.399	83.898.261.580
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.132.038.873	58.083.679.846
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.423.066.919	3.154.882.232
7. Chi phí tài chính	22		187.922.145	69.905.855
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	14.379.596.085	13.271.417.946
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.160.887.869	13.260.395.761
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52.826.699.693	34.636.842.516
11. Thu nhập khác	31		258.967.294	298.594.194
12. Chi phí khác	32		3.681.775	455.289.984
13. Lợi nhuận khác	40		255.285.519	(156.695.790)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.081.985.212	34.480.146.726
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	10.533.677.549	6.900.066.730
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.548.307.663	27.580.079.996
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	3.505	2.272
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	3.505	2.272



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	197.190.159.155	163.709.577.775
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(90.629.195.072)	(74.779.419.751)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.091.391.139)	(30.815.893.287)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(8.200.066.730)	(4.765.714.165)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	504.979.119	719.781.284
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.918.517.444)	(16.294.183.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.855.967.889	37.774.148.735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.678.533.637)	(2.401.565.347)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	43.518.518
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.703.594.521)	(63.514.909.589)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	60.514.909.589	42.100.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.483.922.483	3.339.690.761
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.383.296.086)	(20.433.265.657)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.759.440.130)	(11.266.054.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.759.440.130)	(11.266.054.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.713.231.673	6.074.829.008
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	21.408.112.785	14.900.585.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	427.181.328	432.697.872
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	26.548.525.786	21.408.112.785



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 387/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200216710 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 26 tháng 06 năm 2025 (cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2004).

Trụ sở chính: Số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 26 tháng 06 năm 2025, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 111.691.250.000 đồng tương đương với 11.169.125 cổ phần phổ thông và mệnh giá mỗi cổ phần phổ thông là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất, kinh doanh sứ cách điện, gốm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, thiết bị điện cho đường dây và trạm.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, sản xuất gốm sứ kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và phụ kiện đồng bộ;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện cho đường dây và trạm;
- Bán lẻ vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, bán lẻ thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Sản xuất thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Chế biến cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Khai thác cao lanh, thạch anh và fenspat; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở duy nhất tại địa chỉ số 93 đường Lê Lợi, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai.

6. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 198 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 195 người).

7. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

2. Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các Báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt chạy thử (nếu áp dụng);

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị giấy chứng nhận ISO, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giấy chứng nhận ISO đã khấu hao hết.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất là số tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê đất số 129/2020/HĐTĐ, ngày 31/12/2020. Thời hạn sử dụng đất trong vòng 50 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến 31/12/2070, mục đích thuê làm đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và chi phí khác phát sinh trong giai đoạn hoạt động của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai, phân bổ trong vòng 12 tháng đến 36 tháng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	137.490.527	77.377.505
Tiền gửi ngân hàng	26.411.035.259	21.330.735.280
Cộng	26.548.525.786	21.408.112.785

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	76.703.594.521	42.514.909.589
Cộng	76.703.594.521	42.514.909.589
b. Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	2.000.000.000	13.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	13.000.000.000

(i) Khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi sau:

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Yên Bái với tổng số tiền 22.403.594.521 đồng, lãi suất 6% - 6,6%, kỳ hạn 13 tháng, kỳ hạn còn lại không vượt quá 12 tháng kể từ thời điểm 31/12/2025.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh - Chi nhánh Yên Bái với tổng số tiền 45.000.000.000 đồng, lãi suất 6% - 7,8%, kỳ hạn 12 - 13 tháng, kỳ hạn còn lại không vượt quá 12 tháng kể từ thời điểm 31/12/2025.

Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái với tổng số tiền 9.300.000.000 đồng, lãi suất 5% - 7,25%, kỳ hạn 6 - 15 tháng, kỳ hạn còn lại không vượt quá 12 tháng kể từ thời điểm 31/12/2025.

(ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Yên Bái số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 7,1%, kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm 31/12/2025.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sử Hoàng Liên Sơn Hà Nội	3.322.201.475	4.267.517.627
Công ty TNHH Cao Linh	1.268.864.897	1.303.710.893
Công ty TNHH MTV Sử Hoàng Liên Sơn Đà Nẵng	1.217.942.284	630.462.491
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.607.356.506	7.134.515.168
Cộng	10.416.365.162	13.336.206.179
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	436.207.421	1.149.873.084

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
ASICO Handels GmbH	1.922.622.400	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoa Việt Vinh	1.621.147.400	1.320.000.000
Các đối tượng khác	653.810.552	298.423.160
Cộng	4.197.580.352	1.618.423.160

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	5.633.908	5.133.908
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.258.153.974	768.185.313
Phải thu khác	40.015.839	10.270.959
Cộng	2.303.803.721	783.590.180

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.314.982.024	-	27.790.367.895	-
Công cụ, dụng cụ	7.715.076.543	-	5.072.231.817	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.966.181.313	-	1.474.662.234	-
Thành phẩm	5.241.561.488	(308.433.706)	7.305.696.405	(256.757.307)
Hàng hoá	2.299.309.462	-	3.417.137.503	-
Hàng gửi bán	10.282.579	-	10.627.299	-
Cộng	42.547.393.409	(308.433.706)	45.070.723.153	(256.757.307)

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.666.664	18.954.561
Cộng	5.666.664	18.954.561
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.333.664.800	1.529.722.094
Chi phí thuê đất 50 năm (*)	17.435.663.099	17.823.122.280
Chi phí khác	1.258.850.010	966.893.024
Cộng	21.028.177.909	20.319.737.398

(*) Chi phí thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê theo Hợp đồng thuê đất số 129/2020/HĐTĐ ngày 31/12/2020, giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái và Công ty, với tổng diện tích là 30.721,5 m² thuộc mảnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số 123-2020, địa chỉ tổ dân phố số 13, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (nay là tổ dân phố số 13, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai). Thời gian sử dụng đất từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2070.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.007.218.544	103.581.339.246	2.046.695.455	809.700.225	124.444.953.470
Mua trong năm	-	3.667.000.000	1.272.397.273	33.200.000	4.972.597.273
Số dư cuối năm	18.007.218.544	107.248.339.246	3.319.092.728	842.900.225	129.417.550.743
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	12.998.908.158	91.527.279.534	1.707.806.571	804.600.937	107.038.595.200
Khấu hao trong năm	900.757.376	4.215.381.985	84.927.929	6.236.695	5.207.303.985
Số dư cuối năm	13.899.665.534	95.742.661.519	1.792.734.500	810.837.632	112.245.899.185
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	5.008.310.386	12.054.059.712	338.888.884	5.099.288	17.406.358.270
Tại ngày cuối năm	4.107.553.010	11.505.677.727	1.526.358.228	32.062.593	17.171.651.558

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 98.829.752.418 đồng (Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 84.019.065.318 đồng).

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hàng cơ khí Bách Việt	1.575.971.399	1.575.971.399	1.980.300.852	1.980.300.852
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	329.426.230	329.426.230	418.636.669	418.636.669
Các đối tượng khác	810.915.974	810.915.974	539.452.429	539.452.429
Cộng	2.716.313.603	2.716.313.603	2.938.389.950	2.938.389.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	522.929.667	14.377.236.511	13.969.334.867	930.831.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.200.066.730	10.533.677.549	8.200.066.730	7.533.677.549
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	61.819.416	61.819.416	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	5.722.996.397	24.975.733.476	22.234.221.013	8.464.508.860

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	63.661.906	46.860.166
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	300.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.053.300	234.805.930
Phải trả về thuế thu nhập cá nhân	47.033.560	60.950.694
Hoa hồng môi giới phải trả	96.539.820	375.787.785
Phải trả khác	136.861.353	235.997.347
Cộng	873.149.939	954.401.922
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	300.000.000
Cộng	-	300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	111.691.250.000	10.150.979.292	18.932.727.207	140.774.956.499			
Lãi trong năm	-	-	27.580.079.996	27.580.079.996			27.580.079.996
Phân phối lợi nhuận	-	367.495.000	(1.837.474.000)	(1.469.979.000)			(1.469.979.000)
Chia cổ tức	-	-	(11.169.125.000)	(11.169.125.000)			(11.169.125.000)
Số dư đầu năm nay	111.691.250.000	10.518.474.292	33.506.208.203	155.715.932.495			
Lãi trong năm	-	-	42.548.307.663	42.548.307.663			42.548.307.663
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.654.804.000)	(1.654.804.000)			(1.654.804.000)
Thường ban điều hành (*)	-	-	(551.602.000)	(551.602.000)			(551.602.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	551.602.000	(551.602.000)	(551.602.000)			-
Trả cổ tức (*)	-	-	(16.753.687.500)	(16.753.687.500)			(16.753.687.500)
Số dư cuối năm nay	111.691.250.000	11.070.076.292	56.542.820.366	179.304.146.658			

(*) Công ty thực hiện phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 04 năm 2025, cụ thể như sau:

- + Trích Quỹ đầu tư phát triển: 2% lợi nhuận sau thuế năm 2024;
- + Thường Ban quản lý điều hành: 2% lợi nhuận sau thuế năm 2024;
- + Trích Quỹ khen thưởng: 3% lợi nhuận sau thuế năm 2024;
- + Trích Quỹ phúc lợi: 3% lợi nhuận sau thuế năm 2024;
- + Chia cổ tức bằng tiền mặt: tỷ lệ 15%/vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.169.125	11.169.125
- Cổ phiếu phổ thông	11.169.125	11.169.125
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.169.125	11.169.125
- Cổ phiếu phổ thông	11.169.125	11.169.125

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

13. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Dollar Mỹ (USD)	689.241,49	17.884.241.026	519.981,43	13.137.858.645
Euro (EUR)	700,29	21.356.044	677,38	17.735.841

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.063.686.272	142.022.095.826
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	180.700.413.546	141.658.823.098
Doanh thu cho thuê tài sản	363.272.726	363.272.728
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	40.154.400
- Hàng bán bị trả lại	-	40.154.400
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.063.686.272	141.981.941.426
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan	4.423.054.320	4.650.619.800

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	104.583.010.148	83.665.976.293
Giá vốn cho thuê tài sản	296.960.852	292.822.296
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	51.676.399	(60.537.009)
Cộng	104.931.647.399	83.898.261.580

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.973.891.144	2.670.029.497
Lãi chênh lệch tỷ giá	449.175.775	484.852.735
Cộng	4.423.066.919	3.154.882.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.799.377.225	3.050.521.278
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	3.406.672.910	2.544.824.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.430.656	39.430.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.313.633.016	6.152.087.660
Chi phí bằng tiền khác	820.482.278	1.484.553.452
Cộng	14.379.596.085	13.271.417.946

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.473.556.000	10.392.030.470
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	509.854.835	389.802.107
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.473.756	69.891.790
Thuế, phí và lệ phí	450.953.722	449.910.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài	680.830.938	771.333.012
Chi phí bằng tiền khác	2.968.218.618	1.187.427.597
Cộng	13.160.887.869	13.260.395.761

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	53.081.985.212	34.480.146.726
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(413.597.465)	20.186.918
Các khoản điều chỉnh giảm	427.181.328	435.103.066
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ</i>	427.181.328	435.103.066
Các khoản điều chỉnh tăng	13.583.863	455.289.984
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	13.583.863	455.289.984
Thu nhập chịu thuế	52.668.387.747	34.500.333.644
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.533.677.549	6.900.066.730
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.533.677.549	6.900.066.730

7. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.548.307.663	27.580.079.996
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(3.403.864.000)	(2.206.406.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.144.443.663	25.373.673.996
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.169.125	11.169.125
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.505	2.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.344.495.150	38.739.772.197
Chi phí nhân công	42.648.721.265	36.692.831.058
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.207.303.985	5.607.140.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.347.879.314	12.125.647.376
Chi phí khác bằng tiền	6.227.165.340	5.180.716.494
Cộng	111.775.565.054	98.346.107.400

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn
Ông Vũ Ngọc Cường
Ông Vũ Ngọc Hiếu
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cùng thành viên Hội đồng quản trị
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	4.423.054.320	4.650.619.800
Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	4.423.054.320	4.650.619.800
Cổ tức thực trả	8.373.279.000	5.265.624.850
Ông Nguyễn Khắc Sơn	1.084.089.000	686.589.700
Ông Vũ Ngọc Cường	1.787.415.000	1.132.029.500
Ông Nguyễn Thanh Hà	280.876.500	159.163.950
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	1.265.872.500	782.991.900
Ông Vũ Ngọc Sơn	295.660.500	187.251.650
Ông Vũ Ngọc Hiếu	3.659.365.500	2.317.598.150

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	436.207.421	1.149.873.084
Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	436.207.421	1.149.873.084

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Trưởng Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Khắc Sơn - Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.170.000.000	1.092.000.000
Ông Vũ Ngọc Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	922.032.861	798.734.404
Ông Nguyễn Thanh Hà - Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	1.550.013.700	1.184.903.400
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	1.421.173.000	1.100.896.100
Ông Vũ Ngọc Sơn - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị	1.429.173.000	1.098.819.200
Ông Vũ Tuấn Việt - Trưởng Ban kiểm soát	355.708.600	319.929.700
Cộng	6.848.101.161	5.595.282.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Tổng doanh thu phân bổ	173.618.734.389	7.894.127.658	181.512.862.047
Giá vốn hàng bán	102.676.583.540	2.255.063.859	104.931.647.399
Chi phí bán hàng	13.754.216.892	625.379.193	14.379.596.085
Lỗ chênh lệch tỷ giá		187.922.145	187.922.145
Tổng chi phí phân bổ	116.430.800.432	3.068.365.197	119.499.165.629
Kết quả kinh doanh của bộ phận	57.187.933.957	4.825.762.461	62.013.696.418
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			4.232.858.438
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			23.698.247.193
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			42.548.307.663
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			4.678.533.637
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.743.652.226	352.089.764	8.095.741.990
Năm trước			
Tổng doanh thu phân bổ	130.391.489.724	12.075.304.437	142.466.794.161
Giá vốn hàng bán	79.746.908.162	4.151.353.418	83.898.261.580
Chi phí bán hàng	12.146.549.425	1.124.868.521	13.271.417.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá		69.905.855	69.905.855
Tổng chi phí phân bổ	91.893.457.587	5.346.127.794	97.239.585.381
Kết quả của bộ phận	38.498.032.137	6.729.176.643	45.227.208.780
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			2.968.623.691
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			20.615.752.475
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.580.079.996
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			2.401.565.347
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.317.763.481	677.683.966	7.995.447.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.416.365.162	-	10.416.365.162
Các tài sản không phân bổ của bộ phận	190.275.337.814	1.922.622.400	192.197.960.214
Tổng tài sản			202.614.325.376
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	776.610.119	96.539.820	873.149.939
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			22.437.028.779
Tổng nợ phải trả			23.310.178.718
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	12.779.039.679	557.166.500	13.336.206.179
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			161.884.051.789
Tổng tài sản			175.220.257.968
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	578.614.137	375.787.785	954.401.922
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			18.549.923.551
Tổng nợ phải trả			19.504.325.473

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, kinh doanh sử kỹ thuật. Vì vậy, Công ty không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

3. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất số 129/2020/HĐTĐ ngày 31/12/2020 với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, thuê đất tại tổ dân phố 13, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai với mục đích xây dựng nhà máy Sử phục vụ sản xuất. Thời gian thuê đất đến ngày 31/12/2070. Tổng diện tích khu đất thuê là 30.721,5 m². Trong đó: thửa 26, diện tích 29.140 m² thuê đất trả tiền một lần; thửa 10, diện tích 86,2 m² và thửa 75, diện tích 1.495,3 m² thuê đất trả tiền hàng năm.

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng thuê đất nộp tiền hằng năm số 75/2020/HĐTĐ ngày 31/08/2020 với Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, thuê đất tại tổ dân phố 13, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai với mục đích xây dựng cửa hàng xăng dầu 1194 Yên Ninh phục vụ thương mại dịch vụ. Thời gian thuê đất đến ngày 21/01/2070. Tổng diện tích khu đất thuê là 949,8 m².

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

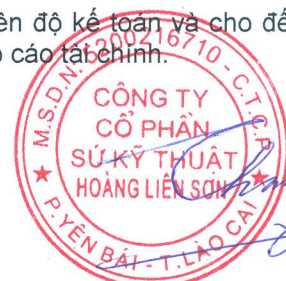
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.



Vũ Nguyên Bình
Người lập biểu



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Ngày 12 tháng 03 năm 2026